

SỐ 1850

ĐẠI THỪA KHỞI TÍN LUẬN
LIỆT VŨNG SỞ
(SỐ GIẢI XÉ LƯỚI MÊ CHẤP LUẬN
ĐẠI THỪA KHỞI TÍN)

Sa-môn, Ngẫu Ích Trí Húc ở Linh Phong soạn

LỜI TỰA

Đạo của Phật Tổ dùng tâm truyền tâm, Bồ-tát soạn luận để thông hiểu kinh, cũng chỉ vì một việc lớn này, nên nói rằng tìm khắp mười phương cũng không có việc gì khác. Cho dù phải nói loanh quanh để dẫn dụ chúng sinh dần dần, nói các thứ đạo, từ Thật bày Quyền; ví như ba thứ cỏ, hai thứ cây, sự thắm nhuần khác nhau mà nước mưa vốn chỉ một vị, nên nói như ăn đường phèn trong ngoài đều ngọt. Lại nói lời thô lời tế đều quy về nghĩa Đệ nhất, đâu nên dính mắc văn tự mà quên mất ý chỉ. Ôi! Chấp ngang danh tướng là chia chẻ hư không ư?

Vả lại, như Đức Phật Di-lặc, “Tích” thì ở Bồ xứ, “Bổn” khó nghĩ bàn. Tổ Vô Trước, Thiên Thân đã là bậc trợ giúp cho hội Long Hoa thì đâu khác Văn-thù, Phổ Hiền. Cho đến tổ Mã Minh, Long Thọ đều thuộc những vị được chính miệng vàng thọ ký, truyền thừa tâm tông thì chỗ soạn thuật chắc chắn không chống trái nhau. Những giảng sư đời sau vội phán đoán bừa là, Luận Duy Thức của Thiên Thân là Thủ giáo lập tướng, còn Trung Luận của Long Thọ là Thủ giáo phá tướng, Luận Khởi Tín của Mã Minh là Đốn giáo và Chung giáo, tất cả đều chưa phải là Viên giáo. Than ôi! Đó cũng chẳng phải là suy nghĩ kỹ.

Phàm tông Du-già của Thiên Thân mà lập Duy Thức, đầu tiên

dùng Duy Thức để phá chấp Ngã và chấp Pháp, sau đó nói thức cũng như huyền chẳng có thật, nên cũng được gọi là Luận phá sắc tâm. Nay lại cho đó là giáo lý lập tướng, có thể như thế ư?!

Tổ Long Thọ y theo Bát-nhã sâu xa dẹp sạch tình chấp bốn tánh để hiển bày pháp tánh, nên nói muốn đầy đủ tất cả Phật pháp phải học Bát-nhã. Lại nói, nếu chẳng có KHÔNG này thì tất cả đều không thể tạo thành, vì có nghĩa KHÔNG nên tất cả đều được thành tựu. Ngày nay lại cho đây là giáo lý phá tướng, có thể như thế ư?!

Tổ Mã Minh dùng môn Nhất Tâm Chân Như để hiển bày Bát-nhã sâu xa là nói theo trí, dùng môn Nhất Tâm Sinh Diệt hiển bày tám thức Du-già là nói theo tình. Chân Như tức Nhất Chân Pháp giới, thống nhất sự lý để chấm dứt sự lý. Sinh diệt tức là Sự, do toàn Lý làm thành, toàn Sự là Lý Vô Tánh. Hai môn không lia Nhất Tâm thì không có một sinh diệt nào mà chẳng phải toàn thể chân như, không có một chân như nào mà không có đầy đủ sinh diệt, tức Sự Sự Vô Ngại pháp giới. Nay lại cho rằng khác Duy Thức, Trung Luận, vẫn chẳng phải là Viên giáo Nhất thừa, có thể như thế ư?!

Hướng chi trong kinh luận đều nói chân như và tất cả pháp giống như nước và sóng, chẳng phải một, chẳng phải khác. Thật chứng đầy đủ ngay hiện tại, đâu thể chấp nhận thiên chấp. Vì nếu nói cố định là một thì chân như không có sinh diệt, lẽ ra tất cả pháp cũng không sinh diệt, hoặc tất cả pháp sinh diệt thì chân như lẽ ra cũng sinh diệt, cố nhiên là không thể được.

Nếu nói cố định là Khác thì chân như chẳng phải là thật tánh của tất cả pháp, đáng lẽ phải ở ngoài tất cả pháp, có phương hướng riêng, không thường không đổi, thật không thể được! Cho nên Luận Đại Thừa Khởi Tín gọi đó là Thọ huân Chân Như. Ví như khi xúc chạm sóng tức là xúc chạm nước, cho nên phá chấp cố định là KHÁC. Lúc đầu không hề nói Chân như tùy Sự huân tập mà chuyển biến.

Duy Thức cho rằng Chân như không bị huân tập, nghĩa là ví như sóng động, tánh ướt không động, cho nên phá chấp cố định là một. Lúc đầu không hề nói riêng có Chân như lặng lẽ.

(Luận Duy Thức nói: Không giống các tông phái khác, lia sắc, tâm. v.v... thật có một pháp thường hằng gọi là Chân như; lại nói Chân như là thật tánh của Duy thức. Trên văn tự rõ ràng như thế, người sau mới dùng Chân như lặng lẽ để vu báng Duy thức, còn tội lỗi nào bằng?).

Cho nên Duy Thức gọi là Chân, cho nên tướng không thay đổi, tức là môn Nhất Tâm Chân Như của Khởi Tín. Duy Thức gọi là Tục cho nên

có tướng khác nhau, tức là môn Nhất Tâm Sinh Diệt của Khởi Tín.

Kinh Lăng-già nói các thức có ba tướng là: Chuyển tướng, Nghiệp tướng và Chân tướng. Tông Cảnh giải thích khởi tâm là chuyển tướng vì tám thức đều sinh khởi, đều có sinh diệt nên gọi là chuyển tướng. Động là nghiệp, tám thức đều động nên gọi tất cả là Nghiệp tướng. Chân tánh của tám thức đều gọi là Chân tướng. Từ đây mà quán thì Khởi Tín, Duy Thức đều là tông chỉ của Lăng-già. Thật là rõ ràng.

Tông chỉ căn bản đã giống nhau thì các danh nghĩa tự nó chẳng chống trái nhau. Chính các nhà chú giải không thể dùng nghĩa định danh, đã sai lầm y danh định nghĩa, đến nỗi khiến cho hai bộ luận chống trái nhau như nước với lửa, có thể chẳng buồn hay sao?

Luận Đại Thừa Khởi Tín này, trong tạng có hai bản, một bản do ngài Chân Đế đời Lương dịch, một bản do Thật-xoa-nan-đà đời Đường dịch. Đối chiếu hai bản dịch thì bản đời Đường vẫn rõ ràng, nghĩa xuôi thuận, nhưng từ xưa nay lưu thông bản đời Lương. Lòng riêng chẳng dám tự chuyên nên kính nhờ chư Phật quyết định qua cách bốc thăm. Bốc được cái thăm bản dịch đời Đường, bèn lấy một chút ánh sáng khe vách, mổ xẻ hết mê chấp của hai tông, nên gọi là Liệt Võng Sớ, tức số giải để xé lưới mê chấp.

Viết xong ngày 18 tháng 10 năm Quý Tỵ.

ĐẠI THỪA KHỞI TÍN LUẬN LIỆT VỔNG SỐ

QUYỂN 1

SỐ GIẢI

Chia làm hai:

Phần 1. GIẢI ĐỀ KINH

Phần 2. GIẢI VĂN KINH

PHẦN 1. GIẢI ĐỀ KINH

Luận Đại thừa khởi tín.

(Bồ-tát Mã Minh soạn luận

Tam Tạng Pháp sư đời Đường

Thật-xoa-nan-đà dịch)

Năm chữ đề mục gồm có bốn chữ riêng và một chữ chung. Nói lược thì có ba lớp năng sở.

Luận Đại Thừa Khởi Tín giống như nói Khởi Đại Thừa Tín, tức bốn chữ của đề mục riêng, chữ Luận là đề mục chung.

Nói có ba lớp năng sở. Đó là:

Luận là năng khởi, Đại thừa tín là sở khởi.

Tín là năng tín, Đại thừa là sở tín.

Đại là năng phân biệt, Thừa là cái được phân biệt.

Ở đây chia ba phần để giải thích:

A1. Giải thích Đại thừa.

A2. Giải thích khởi tín.

A3. Giải thích chữ Luận.

A1. Giải thích Đại Thừa:

Chia làm hai:

B1. Phân tích giải thích.

B2. Tổng hợp giải thích.

B1. Phân tích giải thích:

Chia làm hai:

C1. Giải thích chữ Đại.

C2. Giải thích chữ Thừa.***C1. Giải thích chữ Đại:***

Không gì ngoài nó, nên gượng nói là Đại, tức chỉ thẳng tâm tánh hiện tiền của chúng sinh. Pháp này đầy đủ ba ý nghĩa Thể đại, Tướng đại, Dụng đại, nghĩa là:

Tâm hiện tiền này tùy duyên bất biến, toàn thể Chân như nên gọi là Thể đại. Tất cả vọng thức đều ở trong Thể chân, vốn đầy đủ các thứ công đức xứng tánh nhiều như số cát sông Hằng, nơi phàm không bớt ở Thánh không thêm nên gọi là Tướng đại. Thể tướng của tâm tánh này tùy duyên không đổi, sinh ra mười cõi tùy nhân quả nhiễm hay tịnh. Người thông đạt được lý duyên sinh vô tánh này, thì sẽ đổi nhiễm thành tịnh, gọi là Dụng đại.

Gọi là Thể, thì ngoài Thể không có tướng dụng riêng, như ngoài chỗ ẩm ướt không có nước và sóng riêng, cho nên Thể dứt bật đối đãi. Gọi là Tướng, thì ngoài Tướng không có Thể Dụng riêng, như ngoài nước không có sóng và tánh ướt riêng cho nên Tướng dứt bật đối đãi. Gọi là Dụng, thì ngoài dụng không có Thể Tướng riêng, như ngoài sóng không có nước và tánh ướt riêng, cho nên Dụng dứt bật đối đãi. Ba đại như thế chẳng phải Một, chẳng phải Khác, không thể nghĩ bàn, chỉ là Nhất tâm, nên nói là Đại.

C2. Giải thích chữ Thừa:

Theo dụ đặt tên, có nghĩa là vận tải, chuyên chở, tức chỉ thẳng Tâm tánh hiện tiền của chúng sinh. Vì pháp này chuyên chở đến Phật địa, tự lợi lợi tha không dừng nghỉ nên gọi là Thừa.

Tâm tánh Thể đại tức là Lý Đại thừa, vì suốt từ xưa đến nay thường không biến đổi, tâm tánh tướng Đại chính là Tùy thừa, vì không lìa không thoát nên thường tương ứng, tâm tánh Dụng Đại tức là Đắc thừa, vì như ma Chuyển Luân bảy báo được thành tựu tự tại.

Tánh đủ ba Đại gọi chung là Lý thừa. Vì không có ba thể, chiếu tánh thành tu, khi tu ba tánh gọi chung là Tùy thừa. Vì thuận theo pháp tánh, từ nhân chế phục quả, ba đại ở quả gọi chung là Đắc thừa. Vì rất tự tại, tánh tu không hai, nhân quả không hai nên gọi tâm tánh hiện tiền này là Thừa, chính là chiếc xe.

Phần đầu phân tích giải thích đã xong.

B2. Tổng hợp giải thích:

Tuy tâm tánh hiện tiền của chúng sinh tức là chiếc xe lớn (Đại thừa) không thể nghĩ bàn, nhưng do nhân duyên mê ngộ, huân tập nhiễm tịnh mà có mười pháp giới khác nhau, nghĩa là nếu mê Nhất tâm này mà

khởi mười điều ác thuộc kiến hoặc, tư hoặc thì sẽ chở chúng sinh vào ba đường ác, gọi là xe gãy, lừa què. Nếu biết sợ ba đường khổ, tu mười điều lành và các thứ thiện Định Sắc và Vô Sắc thì sẽ chuyên chở chúng sinh đến ba đường lành.

Nếu lại sợ khổ ba cõi, tu học Giới Định Tuệ xuất thế gian, vĩnh viễn thoát vòng khổ, thì chở chúng sinh đến thành Niết-bàn, gọi là xe dê. Nếu biết mười hai nhân duyên vốn không có tự tánh, Thế kia vốn Không, dứt trừ hẳn Hoặc, Nghiệp, Khổ thì cũng chuyên chở chúng sinh vào thành Niết-bàn. Tuy thiếu đại bi mà vẫn làm ruộng phước tăng thượng cho chúng sinh, gọi là Xe Nai. Nếu thường nghĩ mình và người đều ở trong cõi khổ, có chí nguyện thường muốn cứu giúp họ, đầy đủ đại bi, phát khởi nguyện lớn, hay chuyên chở khắp tất cả chúng sinh, hướng dẫn đến Niết-bàn vô thượng, gọi là Xe Trâu. Nếu biết rõ tâm tánh hiện tiền này tức Đại thừa (là cỗ xe lớn) không thể nghĩ bàn, quán sâu tâm động tức không sinh diệt thì được vào cửa Chân như. Ban đầu từ danh tự chuyển thành quán hạnh, cho đến công đức rốt ráo chở mình đã xong, chở người không dừng nghỉ, gọi là Xe Trâu Trắng lớn.

Nay nói Đại thừa chính là chỉ xe Trâu Trắng lớn, vì muốn phân biệt chẳng phải ba xe ngoài cửa.

Lại nữa, tất cả chúng sinh tuy mê tâm tánh này, toàn thể là xe lừa gãy và ba thứ xe vv..nhưng tâm tánh tùy duyên không thay đổi này không hề chẳng tức là Đại thừa rốt ráo. Ví như vàng ròng, tuy sử dụng làm các bình đựng đồ nhơ bẩn và các món tạp nhạp, mà bản chất vàng chẳng đổi, lúc nào cũng vẫn quý giá. Nếu biết thể tánh của bình nhơ tức vàng ròng, thì ngay nơi bình nhơ liền được diệu dụng của vàng ròng. Cho nên ánh sáng chiếu đến ngục A-tỳ, mau chóng vượt qua Thập địa không khó. Buông dao giết mổ liền là một Đức Phật trong ngàn Đức Phật, chim Anh Vũ niệm Phật, thiêu được xá-lợi, hạc trắng nghe kinh chuyển thân sau thành Tổ, nên chỉ thẳng tâm tánh của tất cả chúng sinh mê vọng này chính là Đại Thừa.

Trước đã dùng Đại loại bỏ Tiểu là nói theo đối đãi, cũng chính là ý nghĩa của sinh diệt. Sau đó tức Tiểu là Đại là nói theo dứt bật đối đãi, cũng tức là ý nghĩa của Chân Như.

Tâm hiện tiền của tất cả chúng sinh, pháp này có đủ cả hai môn vì không lìa nhau, nên gọi là Đại thừa.

Phần đầu đã giải thích xong hai chữ Đại Thừa.

A2. Giải thích hai chữ Khởi Tín:

Có hai đoạn:

B1. Phân tích giải thích.

B2. Tổng hợp giải thích.

B1. Phân tích giải thích:

Chia làm hai:

C1. Giải thích chữ Khởi.

C2. Giải thích chữ Tín.

C1. Giải thích chữ Khởi:

Hỏi: Tất cả các pháp chẳng sinh chẳng khởi, sao lại nói là khởi?

Đáp: Tánh các pháp chẳng khởi, cũng không có chẳng khởi. Nếu chỉ nói khởi thì mất nghĩa môn Chân như, nếu chỉ nói chẳng khởi thì mất nghĩa môn Sinh diệt, nếu nói vừa khởi vừa không khởi thì chống trái lẫn nhau, nếu nói chẳng phải khởi chẳng phải không khởi thì thành nói suông, nên biết bốn trường hợp đều không thể nói.

Nếu không rơi vào tình chấp, thuận theo bốn Tất-đàn thì vì có nhân duyên cũng có thể nói được.

Nay nói Khởi, chính là chẳng phải khởi chẳng phải không khởi mà luận khởi. Vì sao? Nhất Tâm dứt bật đối đãi vốn không có năng tín khác sở tín, nhưng mê Nhất tâm này thì khởi vô lượng nghi ngờ, như nước thành băng, chuyển mê hoặc này bèn khởi lòng tin chân chánh thường hằng tràn đầy, như băng tan lại thành nước. Tuy phân ra mê ngộ mà một tánh bất động, cho nên chẳng khởi; Tánh không thêm bớt, mê ngộ rõ ràng, nên chẳng phải không khởi. Cho nên khởi tức không khởi, không khởi mà khởi. Theo luận khởi này, đây là chỗ mâu nhiệm!

Bởi vì tuy khởi lòng tin mạnh mẽ vẫn chỉ một tâm, vẫn không có năng tín và sở tín khác nhau; không có năng sở mà có năng có sở; năng sở đều tức pháp giới Nhất tâm, như đèn chiếu sáng trở lại chiếu sáng đèn. Cho nên nói, tự tâm khởi lòng tin trở lại tin tự tâm. Đây là pháp môn Tánh Khởi vô thượng.

C2. Giải thích chữ Tín:

Theo Luận Duy Thức, trong các tâm sở thiện, Tín đứng đầu, nghĩa là Thật đức có công năng kham nhẫn dục lạc một cách sâu sắc; Thể tánh là tâm thanh tịnh, đối trị bất tín, nghiệp là ưa thích điều thiện.

Giải thích rằng: Tín có nhiều mức độ khác nhau, tóm lược có ba loại:

- Tín có thật, nghĩa là đối với sự lý chân thật của các pháp tin nhận sâu xa.

- Tín có đức, nghĩa là đối với hai thứ Chân đức và Tịnh đức, tin và ưa thích sâu xa.

- Tin có năng lực, nghĩa là đối với tất cả pháp lành thế gian và xuất thế gian vì tin sâu rằng nó có năng lực làm cho được quả báo an vui, được thành Phật đạo, nên sinh tâm hy vọng. Do đây mà đối trị với tâm bất tín kia, ưa thích chứng đắc nên tu các điều lành thế gian và xuất thế gian.

Nay trong luận nói, Tin có bốn thứ:

Lòng tin căn bản, nghĩa là vì ưa nghĩ nhớ đến pháp Chân Như.

Tin Phật có vô biên công đức, nghĩa là thường ưa kính lễ, cúng dường, nghe pháp tu hành, vì hồi hướng Trí Nhất Thiết.

Tin Pháp có lợi ích lớn, nghĩa là vì thường ưa tu hành các pháp Ba-la-mật.

Tin Tăng đức hạnh chân chánh, nghĩa là vì thường cúng dường các chúng Bồ-tát tu hạnh tự lợi lợi tha.

Nên biết trong Luận Duy Thức, thứ nhất tin có thật, tức đồng với lòng tin căn bản thứ nhất trong luận này.

Trong Luận Duy Thức, thứ hai là tin có đức, thứ ba là tin có năng lực, tức khế hợp với niềm tin thứ hai, thứ ba và thứ tư trong luận này.

Lại nữa, Luận Duy Thức chép, tâm sở Tín này có tự tánh trong lặng, cũng làm trong sạch các tâm và tâm sở khác, như viên ngọc lóng nước có thể làm nước đục thành trong.

Lại nữa, các pháp nhiễm ô, mỗi pháp có tướng khác nhau. Chỉ có Bất tín tướng như đục, sẽ làm như các tâm, tâm sở khác, như vật quá như bản tự làm như chính nó và làm như vật khác. Tin chuyển đổi Bất Tín, lấy thanh tịnh làm tướng.

Bởi vì tánh của Như Lai tàng bất biến tùy duyên, toàn thể trở thành tất cả tâm vương, tâm sở, mà tất cả tâm vương, tâm sở này đều tùy duyên bất biến, mỗi tâm đều là toàn thể Như Lai tạng tánh.

Cho nên chữ Tín này, tuy phân biệt về mặt Tục đế chẳng qua chỉ là một tâm sở thiện, mà thật ra chính là toàn thể tạng tánh, chứ chẳng phải là một phần nhỏ của Tạng tánh.

Lại nữa, tuy tất cả các Tâm sở nhiễm ô cũng đều là toàn thể tạng tánh, vì trái ngược với tánh nên có nhiều lầm lỗi, ví như vàng ròng làm bình đựng đồ như không thể cầm chơi. Chỉ có lòng Tin này vì thuận theo Tạng tánh nên có nhiều công đức, ví như vàng ròng làm mào vua Chuyển Luân, càng tăng thêm sự tôn quý. Cho nên hễ có TÍN TÂM thì tất cả pháp lành đều tương ứng.

Phần đầu phân tích, giải thích đã xong.

B2. Tổng hợp giải thích:

Pháp môn Tánh khởi tuy không thể nghĩ bàn, mà nhân duyên sinh diệt thì chẳng phải một loại.

Hoặc tin các kiến chấp tà đảo, khởi hoặc tạo nghiệp, thì đối với chánh pháp gọi là bất tín. Hoặc khởi lòng tin nhân quả thế gian thì thành tựu mười điều lành, định Sắc và Vô Sắc của trời, người, gọi là thiện hữu lậu. Hoặc khởi lòng tin đối với bốn Đế, mười hai nhân duyên, thành tựu pháp môn Nhị thừa xuất thế gian, gọi là thiện vô lậu. Hoặc đối với sáu độ, bốn nhiếp, quả Đại Bồ-đề Vô Thượng Niết-bàn khởi tin, thì thành tựu pháp môn tự lợi lợi tha của Bồ-tát, gọi là Thiện trung đạo. Hoặc đối với tâm tánh hiện tiền là Đại thừa không thể nghĩ bàn, dứt bật đối đãi khởi niềm tin, thì thành tựu pháp môn Viên Đốn vô thượng, gọi là Thiện Nhất thừa.

Nay chính là khởi lòng tin Nhất thừa không thể nghĩ bàn này, nên gọi là khởi lòng tin nối tiếp làm hưng thịnh hạt giống Phật.

Lại nữa, trong mỗi giáo môn đều nói Tin, Hiểu, Tu, Chứng, nay chỉ nói khởi lòng tin, chẳng nói khởi Hiểu Tu Chứng nghĩa là, Tin là pháp giới, tất cả pháp đều hướng về, vì lìa niềm Tin sẽ không có Hiểu, Tu, Chứng riêng biệt. Nghĩa là tất cả chúng sinh tuy không tin màu lý Đại Thừa của tâm, lại khởi nghi ngờ tạo nghiệp, nhưng tánh của Tín tâm không hề giảm bớt, như nước đóng thành băng tánh ướt vẫn không đổi. Đây gọi là Lý tức khởi tín.

Nếu theo luận này thì biết tâm tánh hiện tiền tức là Đại thừa, đây gọi là Khởi Danh Tự Tín. Nếu quán sát tâm tánh này trong từng niệm, biết niệm kia tức là vô niệm.

Vô niệm, không khởi các hoặc Vô minh điên đảo, đây gọi là Khởi Quán Hạnh tín. Nếu sống hồn nhiên tiêu trừ nhiễm thô, giữ sáu căn thanh tịnh, đây gọi là Khởi Tương Tự Tín. Nếu nhập chánh vị, từ quả vị Tịnh Tâm đến quả vị Bồ-tát rốt ráo, đây gọi là Khởi Phần Chứng Tín. Nếu vượt qua quả vị Bồ-tát, dứt hẳn sự phân biệt nhỏ nhiệm một cách rốt ráo, tâm tánh căn bản thường trụ hiện tiền, đây gọi là Khởi Cứu Cánh Tín. Cho nên chỉ nói khởi tín.

Phần hai giải thích hai chữ Khởi tín đã xong.

A3. Giải thích chữ Luận:

Luận có nghĩa là cùng phân tích, nêu lên để tranh luận, chia từng đoạn để chỉ bày, giúp hiểu được nghĩa chắc chắn rõ ràng.

Nếu nhờ ngữ ngôn văn tự hiển bày nghĩa lý chân thật, đối trị tà chấp, phân biệt tướng tu hành chân chánh, khuyến khích tu tập, là Giáo quyết định, làm khởi lên văn, tư, tu v.v... Tướng Tự Tín, Quán Hạnh

Tín.

Nếu quán sát tìm hiểu về sắc uẩn v.v... trong năm uẩn và tất cả pháp, đều không thành tựu. Biết tâm vọng động tức chẳng sinh diệt là Hạnh Quyết Định, hay Khởi Phần Chứng Tín như Tịnh Tâm địa v.v...

Nếu được vào cửa Chân như, dứt hẳn các tâm nhiễm ô tương ứng và không tương ứng. Do nhất niệm tương ứng Tuệ mà chóng nhỏ được gốc vô minh là lý quyết định, hay khởi Cứu Cánh Tín Nhất thiết chủng trí tín, nên gọi là Luận Đại Thừa Khởi Tín.

Luận này, sau khi Phật nhập niết-bàn sáu trăm năm, được Đại sư Bồ-tát Mã Minh là tổ thứ mười hai của Ấn độ soạn luận, tổng trì cả tánh tướng, lời gọn nghĩa rộng. Thật là Đại thừa liễu nghĩa, tâm ấn của Phật Tổ.

Nếu nói theo năm lớp Huyền Nghĩa thì Pháp Dụ là Danh, Nhất Tâm Chân Như là Thể, quán sát tất cả vọng niệm Vô tướng là Tông, trừ nghi bỏ chấp phát khởi lòng tin thanh tịnh Đại thừa là Dụng, Phương Đẳng Đại thừa là Giáo Tướng.

Phần giải thích đề kinh đã xong.

PHẦN 2. SỞ GIẢI CHÁNH VĂN

Chia làm ba:

Đoạn 1: Quy kính nói ý.

Đoạn 2: Phần chánh, có năm chương.

Đoạn 3: Hồi hướng kết thúc

ĐOẠN 1. NÓI VỀ Ý NGHĨA QUY KÍNH

Chia làm hai:

A1. Kệ tụng

A2. Văn xuôi.

A1. Kệ tụng:

Chia làm hai:

B1. Quy y Tam Bảo

B2. Nói về ý nghĩa soạn luận

B1. Quy kính Tam Bảo:

Quy mạng cả mười phương

Khấp làm lợi ích lớn

Trí vô hạn tự tại

Đấng Cứu hộ thế gian

Và biến thể tướng kia

*Câu, nghĩa, pháp Vô Ngã
Tăng đức tạng vô biên
Siêng cầu quả chánh giác.*

Soạn luận để mở mang truyền bá chánh pháp thì đầu tiên phải quy y Tam Bảo, tóm tắt có bốn ý:

- Vì thuận theo nghi thức xưa của các bậc Thánh Hiền thuở trước.
- Vì giúp cho chúng sinh thêm lớn phước đức và gốc lành.
- Vì không giống như ngoại đạo nghị luận không có tông chỉ căn bản.
- Vì nói lên người kính lễ và đáng được kính lễ thể tánh vốn vắng lặng, và đường cảm ứng giao nhau khó nghĩ bàn.

Hai chữ quy mạng trong chánh văn, là nhiếp ba nghiệp của người kính lễ quy y.

Từ “Tận mười phương v.v...” trở xuống, tức chỉ Tam Bảo là chỗ quy kính.

Quy mạng còn gọi là Thân mạng quy y. Quy nghĩa là hướng về, là trở về. Trong biển sinh tử, chỉ có công đức Tam Bảo là đáng làm chỗ cậy nhờ, cho nên hướng về.

Thể Tánh Tam Bảo tức tâm tánh hiện tiền của chúng sinh, vì từ vô thủy đến nay bỏ giác theo trần, cam tâm tự xoay lưng trốn chạy. Nay bỏ trần theo giác về nguồn tâm xưa, nên gọi là trở về. Mạng là nương vào sắc thân và vọng tâm, giữ mãi không buông bỏ mà tạo thành thân mạng giả dối, tức là công năng của thức căn bản, còn gọi là Bất Tương Ứng Hành vì chẳng phải pháp có thật, chỉ là chỗ trân trọng giữ gìn của tất cả chúng sinh mê vọng, nên thuận ngôn ngữ thế gian nêu việc này để thu nhiếp hết ba nghiệp.

Lại đem thân mạng rất quý trọng này hướng về Trụ Trì Tam Bảo làm duyên tăng thượng. Nghiên cứu thân mạng giả tạo này, trở về Nhất Thể Tam Bảo thì hiển bày chánh thể Đại thừa, nên đầu tiên phải quy mạng.

Tận mười phương là hết mười phương, là nói chung cảnh giới Tam Bảo vô cùng vô tận. Vì tâm tánh hiện tiền của chúng sinh, chiều dọc vốn tự không có trước sau, chiều ngang dứt mọi ranh giới. Hư không mười phương đều không ra khỏi giới hạn của cảnh giới tâm. Người tu chứng rốt ráo tâm tánh này gọi là Phật, tâm tánh này gọi là Pháp, giảng nói về tâm tánh này cũng gọi là Pháp. Người tin hiểu tu chứng tâm tánh này gọi là Tăng. Đó là lý do Tam Bảo đồng một tâm tánh, rộng khắp

mười phương.

Lại nữa, tâm tánh hiện tiền Thể đại tức Pháp bảo, Tướng đại tức Phật bảo, Dụng đại tức Tăng bảo.

Lại nữa, Tâm giới kia đầy đủ viên mãn lý tánh ba đại, gọi chung là Pháp bảo. Trí tuệ giác ngộ ba đại này gọi là Phật bảo. Lý, Trí không hai gọi là Tăng bảo, đây gọi là Nhất Thể Tam Bảo.

Chứng Nhất thể Tam bảo này gọi là chư Phật ở mười phương giảng nói Nhất thể Tam bảo này, nói và pháp được nói đều gọi là Pháp mười phương, tu Nhất thể Tam bảo này gọi là Tăng mười phương. Đây là Trụ trì Tam Bảo của Đại thừa. Nếu không có Nhất thể Tam bảo thì không do đâu để kiến lập Trụ trì Tam bảo. Nếu chẳng phải Trụ trì Tam bảo thì không do đâu hiển bày Nhất thể Tam bảo. Như không có Nhất tâm chân như thì không do đâu để làm chỗ nương tựa cho các pháp sinh diệt. Như không có huân tập tịnh pháp trong môn sinh diệt thì không do đâu hiển bày nhất tâm chân như. Nên biết Nhất thể Tam bảo tức là thể Đại thừa môn chân như. Trụ trì Tam bảo tức là thể tướng, dụng Đại thừa của môn sinh diệt. Vì hai môn không rời nhau nên không được nói về quy mạng nghiệp lệch.

Ba câu Khấp làm lợi ích lớn v.v... là chỉ bày riêng Phật bảo. Hai câu Và biến thể tướng kia là chỉ bày riêng Pháp bảo. Hai câu Thân đức tạng vô biên v.v... là chỉ bày riêng Tăng bảo. Điều theo Trụ trì Tam bảo để chỉ bày là, vì ngoài Nhất thể không có Trụ trì, vì không quy về tướng Trụ trì Tam bảo thì chẳng thể quy về Nhất thể. Khấp làm lợi ích lớn là chứng suốt thể tánh bình đẳng, dùng pháp lực đồng thể để huân tập chúng sinh. Trí vô hạn tự tại là bốn trí Bồ-đề viên mãn, quán chiếu về lý, tư lương về cảnh đều không còn sót.

Đấng cứu hộ thế gian, là có tâm đại từ đại bi rốt ráo, cứu ác ủng hộ thiện không ai sánh bằng.

Pháp thân âm thầm làm lợi ích chúng sinh trong mười cõi. Báo thân nói lên lợi ích cho các Bồ-tát Thập địa, Hóa thân làm lợi ích cho ba thừa và chúng sinh sáu đường, nên nói Khấp làm lợi ích lớn, mà ba thân lợi ích cho muôn loài đều nương năng lực bình đẳng của pháp tánh. Tóm lại, đó là Pháp thân Phật bảo.

Phẩm vị Viên Cảnh Trí nói lên Pháp thân, phẩm vị Bình Đẳng Trí nói lên Báo thân, phẩm vị Thành Sự Trí nói lên Hóa thân, phẩm vị Quán Sát Trí nói pháp hợp căn cơ, cho nên nói Trí vô hạn tự tại, mà phẩm vị bốn Trí của tâm đều là chỗ chứng đắc của sự tu tập chân chánh trong nhiều kiếp. Tóm lại, là thân tự thọ dụng Phật bảo.

Pháp thân bình đẳng cứu hộ tất cả thế gian, Báo thân cứu hộ Bồ-tát ở thế gian, Hóa thân cứu hộ người Ba thừa và Sáu phàm ở thế gian nên nói Đấng cứu hộ thế gian.

Nhưng từ bi cứu khổ là diệu dụng tự nhiên không thể nghĩ bàn ở trong quả. Tóm lại, là ba loại hóa thân Phật bảo tùy loại hơn kém. Ba thứ Phật bảo này là Thế, Tướng, Dụng của tâm hiện tiền của tất cả chúng sinh, vốn tự đầy đủ, chỉ vì mê tình mà trong cuộc sống hàng ngày chẳng biết, gọi Lý tức Phật. Chư Phật chứng đắc viên mãn gọi là Chúng sinh rốt ráo, chúng sinh không ai hơn được gọi Phật, nên cũng gọi là Thế Tôn, bậc tôn quý ở thế gian.

Và biển thể tướng kia. Kia, là chỉ cho Phật bảo đã nói ở trên. Thế tướng là thể chân như và tướng công đức của tâm thể. Đã nói thể tướng tức thuộc về dụng, cho nên ba pháp không lìa nhau. Thế tướng dụng này sâu rộng không thể lường nên gọi là biển, tuy thể tướng như biển, tức là tâm tánh hiện tiền của chúng sinh, không phải thuộc riêng của Phật, nhưng chỉ có Phật mới chứng đắc rốt ráo, cho nên nêu lên ở đây để nói lên Pháp bảo được nói.

Và nghĩa là muốn nói lên Phật và Pháp vốn không hai nghĩa, vì Phật là giả danh, Pháp là pháp thật; nắm pháp để thành tựu cho người, nhờ người mà phân biệt được Pháp. Cho nên Phật tánh, Pháp tánh chỉ là một tánh, cái gọi là “Ngoài trí không có Như, ngoài Như không có trí”.

Tuy phân biệt rõ ràng về Trụ trì Tam bảo, cũng chẳng phải phân chia từng phần khác nhau, không giống như pháp Thanh văn ngu muội chấp quyển vàng gáy đỏ là Pháp bảo. Nhưng quyển vàng gáy đỏ cũng từ toàn thể Như Lai tạng mà thành, cũng tức là biển thể tướng.

Câu, nghĩa, pháp vô ngã: Là chỉ cho Pháp bảo năng thuyên vô ngã tức Nhân vô ngã và Pháp vô ngã. Cú là câu, tức là danh, cú, văn, thân, nêu chữ câu tức cũng gồm cả danh, vì chỗ nương của câu, nghĩa tức là bài văn (văn thân). Nghĩa là những điều chỉ bày của câu, tức chỉ cho hai thứ quán vô ngã. Pháp là sự hiển bày của nghĩa, tức nhất tâm chân như. Pháp do Phật nói, có nhiều câu và nhiều ý nghĩa, nay chỉ nêu câu và nghĩa vô ngã, nghĩa là vì chỉ có hai thứ quán không này mới có thể từ cửa sinh diệt liền vào môn chân như. Câu vô ngã tức giáo kinh, nghĩa tức hạnh kinh, Pháp tức lý kinh. Ba kinh chẳng tức chẳng lìa là năng thuyên, đều không ngoài biển thể tướng, lại làm hiển bày biển thể tướng.

Tăng đức tạng vô biên: là xứng tánh khởi tu, mà biển tánh vô biên cho nên công đức tu hành cũng lại vô biên. Mỗi công đức đều chứa

nhóm vô biên công đức nên gọi là Tạng, như đoạn văn sau nói đầy đủ về tùy thuận theo pháp tánh tu bố thí v.v... mỗi độ đều thành tựu ba-la-mật.

Siêng cầu Chánh giác nghĩa là cần cầu quả vị Phật, là nói lên công đức tu hành của tăng Bồ-tát, vì không hưởng về ba cõi, không hưởng về Nhị thừa, chỉ hưởng thẳng đến quả Bồ-đề vô thượng.

Hỏi: Vì sao không quy hướng về tăng Nhị thừa?

Đáp: Đây có hai nghĩa:

Theo nghĩa đối đãi, Nhị thừa vẫn là cảnh giới được thương xót cứu giúp.

Theo nghĩa mở bày (khai hiển), vì hạnh tu của Nhị thừa cũng là đạo Bồ-tát.

B2. Nói về ý nghĩa soạn Luận:

*Vì muốn giúp chúng sinh,
Dứt nghi, bỏ tà chấp,
Khởi tin nối dòng Phật,
Nên tôi soạn luận này.*

Đối với lý thật sinh diệt của nhất tâm chân như, trong sự vẫn do dự chưa rõ gọi là “Nghi”. Đối với tạng Như Lai vô ngã vọng chấp nhân ngã, pháp ngã gọi là “tà chấp”. Dứt nghi bỏ chấp thì niềm tin chân chánh tự hiện khởi, khởi tin Đại thừa thì chắc chắn thành Phật độ mình độ người, đên đên vô tận nên là nối thành dòng Phật.

Phần đầu bài kệ tụng đã xong.

A2. Văn xuôi:

Chia làm hai:

B1. Nói lại ý nghĩa soạn luận

B2. Lập khoa.

B1. Nói lại ý nghĩa soạn Luận:

Luận chép: Vì muốn phát khởi niềm tin Đại thừa thanh tịnh, dứt các tà chấp nghi ngờ mờ mịt của chúng sinh, giúp hạt giống Phật tiếp nối mãi không dứt nên soạn luận này.

Hỏi: Trong bài kệ, đầu tiên nói dứt nghi bỏ chấp, rồi mới nói khởi tin, nay phần văn xuôi lại nói trước phát khởi lòng tin thanh tịnh, rồi mới nói dứt các nghi chấp, vì sao?

Đáp: Nếu tự tu thì dứt nghi, bỏ chấp khởi tin như cái cân hai đầu khi cao khi thấp v.v... không có trước sau. Nếu giáo hóa người khác thì trước tự phát khởi niềm tin Đại thừa thanh tịnh, mới có thể dứt các thứ mờ mịt tà chấp, nghi ngờ của chúng sinh, khiến dòng dõi Phật tiếp nối

không dứt. Cho nên tuy nói lại mà không có lỗi rườm rà.

B2. Lập Khoa:

Có pháp sinh tín căn Đại thừa cho nên phải nói.

Có pháp là chỉ cho tâm tất cả chúng sinh sẽ nói ở đoạn sau. Nói tướng tâm chân như này chỉ tâm thể Đại thừa, nói tướng nhân duyên sinh diệt, tâm này chỉ bày thể, tướng, dụng của Đại thừa, giúp cho các chúng sinh sinh khởi ba thứ văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ, cho đến rốt ráo thành Phật. Đây gọi là tín căn Đại thừa, có lợi ích cao quý như vậy, cho nên phải nói.

Luận nói có năm phần:

Một là Tác nhân, hai là Lập nghĩa, ba là Giải thích, bốn là Tin tu, năm là lợi ích.

Tác nhân: Bản đời Lương dịch là nhân duyên, nghĩa là nhân duyên bốn tất-đàn. Chư Phật, Bồ-tát nếu không có nhân duyên bốn tất-đàn thì không nói pháp được.

Lập nghĩa: Là nương cảnh nói lên bày chân lý, dựng lập chánh pháp Đại thừa.

Giải nghĩa: Nghĩa là các thứ phương tiện để mở bày, truyền bá nghĩa chân thật đã dựng lập.

Tin tu: Bản dịch đời Lương nói là tin tâm tu hành, nghĩa là sách tấn người sơ cơ, khiến họ nương theo sự hiểu biết mà tu hành.

Lợi ích: Theo bản dịch đời Lương là khuyên tu lợi ích, nghĩa là phần kết nói về công năng của luận này, khiến người tin tưởng, hy vọng kính mến mà quy hướng về.

Trong luận này, phần Tác Nhân thứ nhất nói tổng quát về nhân duyên bốn tất-đàn, phần Lập Nghĩa thứ hai vì người căn cơ bậc thượng nêu lên liền biết có, đây là nói theo Đệ nhất nghĩa. Phần giải thích thứ ba là vì người căn cơ bậc trung phân tích chia sẻ nhỏ nhiệm giúp họ dứt hẳn nghi chấp, theo văn nhập chứng, đây là nói theo nghĩa đối trị. Phần Tin Tu thứ tư vì người căn cơ bậc hạ sách tấn tu hành khiến y theo hiểu biết khởi tu, đây là nói theo nghĩa vì người. Phần Lợi Ích thứ năm vì những người chưa trông gốc lành mà xưng tụng khen ngợi công đức, chấm dứt sự hủy báng, khiến đều vui mừng kính mến Đại thừa, đây là nói theo nghĩa thế giới.

Nói theo thứ lớp được lợi ích của một người thì phần Lập Nghĩa thứ hai giúp hiểu về nghĩa Đại thừa tức tâm tất cả chúng sinh, không trông chờ nơi người khác được lợi ích vui mừng. Phần giải thích thứ ba đối với hai môn Chân như và Sinh diệt của nhất tâm hiểu nghĩa như

thật, được lợi ích sinh lên cõi trước. Phần Tin Tu thứ tư khiến hiểu biết về sự mâu nhiệm của tâm, không giống như nói ăn (mà vẫn đói), đếm của báu cho người được lợi ích diệt ác. Phần Lợi Ích thứ năm khiến cho biết đồng với chỗ tu chỗ chứng của chư Phật Bồ-tát, được lợi ích chứng nhập chân lý. Đây chỉ là một cách phân biệt, thật ra mỗi phần đều đầy đủ bốn tất-đàn.

Lại nữa, Tác Nhân là phần tựa, ba phần kế như Lập Nghĩa v.v... là phần chánh tông, riêng Lợi Ích là phần lưu thông.

Đoạn một quy kính và nói ý nghĩa đã xong.

ĐOẠN 2. PHẦN CHÁNH.

Gồm năm chương:

1. Tác nhân... 5. Lợi ích.

CHƯƠNG 1. TÁC NHÂN

Có hai đoạn:

A1. Nói tám nhân duyên

A2. Giải nghi, nói ý nghĩa.

A1. Nói tám Nhân Duyên:

Trong đây có tám nhân duyên soạn luận:

- Tướng chung: Vì khiến chúng sinh lìa khổ được vui, không vì tham cầu lợi dưỡng v.v...

Tổng tướng là tướng chung, nghĩa là chẳng phải chỉ là tướng chung của luận này mà là tướng chung của chư Phật, Bồ-tát nói pháp, vì muốn chúng sinh lìa khổ của nhân quả phần đoạn và biến dịch, được vui Bồ-đề Niết-bàn rốt ráo, là nghĩa lợi tha. Không vì tham cầu tiếng khen, lợi dưỡng và cung kính v.v... là nghĩa lìa lỗi lầm. Tự lìa các lỗi, hay lợi ích chúng sinh mới có thể soạn luận mở mang truyền bá chánh pháp, nếu không như thế thì gọi là bán đứng Như Lai.

- Vì nói lên ý nghĩa chân thật căn bản của Như Lai khiến các chúng sinh khởi hiểu chân chánh.

Nói chung thì một bộ luận đều bày trình thật nghĩa để sinh hiểu biết chân chánh, nói riêng thì đặc biệt chỉ cho hai phần Lập Nghĩa và Giải Thích.

- Vì muốn chúng sinh thành tựu gốc lành, tâm không lui sụt đối với pháp Đại thừa có thể kham nhận.

Nói chung thì một bộ luận đều muốn cho chúng sinh tăng thêm khả năng tin nhận đối với Đại thừa, nói riêng thì đặc biệt chỉ cho đoạn thứ ba Phân Biệt tướng tu hành chánh đạo trong phần giải thích.

- Vì muốn chúng sinh có chút ít gốc lành pháp khởi lòng tin cho đến không lui sụt.

Nói chung thì một bộ luận đều làm phát khởi lòng tin khiến không lui sụt, nói riêng thì đặc biệt chỉ cho phần Tin Tu thứ tư.

- Vì muốn chúng sinh nghiệp chướng tiêu trừ, điều phục tâm mình để lìa ba độc.

Nói chung thì một bộ luận đều có công năng trừ chướng điều tâm, xa lìa ba độc, nói riêng thì đặc biệt chỉ cho môn Tinh Tấn thứ tư trong phần Tin Tu.

- Vì muốn chúng sinh chuyên tu chỉ quán để đối trị tâm phàm phu Nhị thừa nhiều lỗi lầm.

Nói chung thì một bộ luận đều là pháp môn Chỉ Quán, đều có công năng đối trị tâm phàm phu, Tiểu thừa, nói riêng thì đặc biệt chỉ cho pháp môn Chỉ quán thứ năm trong phần Tin Tu.

- Vì muốn chúng sinh đối với pháp Đại thừa tư duy đúng như lý, được sinh trước Phật vì rốt ráo không lui sụt lòng tin Đại thừa.

Nói chung thì một bộ luận đều là Tam-muội Niệm Phật, đều là nhân chánh vãng sinh, nói riêng thì đặc biệt chỉ cho pháp môn cầu sinh Tây phương Cực Lạc trong phần Tin Tu.

- Hiển bày lợi ích tin hiểu ưa thích Đại thừa để khuyến các loài hàm thức quy hướng về Đại thừa.

Đây chỉ riêng cho phần Lợi Ích thứ năm.

Phần đầu nói về tám nhân duyên đã xong.

A2. Giải thích Nghi, nói ý nghĩa: Chia làm hai:

B1. Giải thích điều nghi.

B2. Nói về ý nghĩa.

B1. Giải thích điều Nghi:

Chia làm hai:

C1. Giải thích nghĩa chung.

C2. Giải thích nghĩa riêng.

C1. Giải thích nghĩa chung:

Các câu văn và ý nghĩa trong luận này kinh Đại thừa tuy đã có đủ, nhưng vì căn cơ và tâm ưa muốn của chúng sinh khác nhau, nhân Duyên giác ngộ khác nhau, nên soạn luận này.

Sở hóa chỉ cho chúng sinh đời sau được giáo hóa. Căn có ba hạng cao, thấp, trung bình do hạt giống xưa mà thành. Dục là chỗ ưa thích hiện nay, có rộng, hẹp và trung bình. Duyên là tất cả kinh luận, làm duyên giúp cho chúng sinh ngộ đạo thêm lớn. Nên biết ba căn cơ cao,

thấp, trung bình, mỗi căn cơ có ba mức độ ưa thích rộng, hẹp và trung bình khác nhau. Lại cùng với kinh luận của Phật, Bồ-tát mỗi thứ có hữu duyên và vô duyên khác nhau, cho nên phải vì ba căn cơ chúng sinh hữu duyên, thích hợp với ý thức sơ lược của họ mà soạn luận này.

C2. Giải thích nghĩa riêng biệt:

Vì sao? Nghĩa là khi đức Như Lai còn tại thế giáo hóa người lợi căn, Sắc và tâm Phật đều cao quý, một âm thanh giảng nói vô biên nghĩa vị nên không cần soạn luận.

Vì sao là bắt đầu trưng dẫn chung, trước giải thích thời Phật còn tại thế, sau giải thích lúc Phật đã Niết-bàn. Giáo hóa người lợi căn nghĩa là nói chung về Phật, thời điểm và chúng sinh cũng có ba căn cơ khác nhau cho mỗi loại, chỉ vì so với chúng sinh sau khi Phật Niết-bàn đều gọi là căn cơ lạnh lợi. Vì gốc lành không sâu nên không được trực tiếp gặp Phật.

Sắc và tâm Phật đều cao quý nghĩa là sắc thì tướng đẹp trang nghiêm, tâm thì có sáu thần thông và mười lực, nên nói là cao quý. Một âm thanh giảng nói vô biên nghĩa vị là Phật dùng một thứ âm thanh nói pháp, chúng sinh tùy mỗi loại đều hiểu được, ví như nước mưa của một đám mây ba loại cỏ hai loại cây mỗi loại đều được lớn lên. Sắc cao quý tức dùng thân tướng không thể nghĩ bàn giáo hóa, tâm cao quý tức dùng ý không thể nghĩ bàn giáo hóa. Một âm thanh giảng nói tức dùng miệng giáo hóa không thể nghĩ bàn. Chúng sinh được giáo hóa đã là người căn cơ lạnh lợi, Phật giáo hóa lại có ba thứ cao quý cho nên không cần soạn luận mà vẫn có thể khai ngộ.

Sau khi Phật Niết-bàn, hoặc có người do tự lực xem kinh chút ít nhưng hiểu nhiều nghĩa lý, lại có người do tự lực rộng xem các kinh mà hiểu nhiều nghĩa.

Xem kinh chút ít nhưng hiểu nhiều nghĩa lý gọi là Nghĩa Trì (thọ trì nghĩa) cũng là Pháp Hạnh chủng tánh, xem kinh sâu rộng cho đến hiểu nghĩa gọi là Văn Trì, cũng gọi là Tín Hạnh chủng tánh. Hai hạng người này cũng không cần soạn luận.

Nhưng y cứ bản dịch đời Lương, thì nghe rộng rồi hiểu ngay vì dường như gồm Văn Trì cho nên cao quý hơn; y cứ bản hiện nay, người xem ít hiểu ngay, dường như là Pháp Hạnh cho nên cao quý. Nói theo lý thật thì Nghĩa Trì hay Văn Trì, Tín Hạnh hay Pháp Hạnh mỗi thứ có lợi độ khác nhau, chẳng thể lý luận một chiều.

Có người tự mình không có sức trí tuệ, nhờ người luận bàn rộng mà hiểu nghĩa, cũng có người không có sức trí tuệ, nghe giảng rộng rất

sợ, chỉ thích nghe luận tóm lược mà nhiếp nghĩa rộng lớn để tu hành chân chánh.

Tự mình không có sức trí tuệ nên nhờ luận của người, nhưng vì ưa nói rộng và thích tóm lược vẫn gọi là hai chủng tánh Tín Hạnh và Pháp Hạnh khác nhau, cũng là hai thứ huân tập Văn Trì và Nghĩa Trì có sai khác.

Phần đầu giải thích nghi ngờ đã xong.

B2. Nói rõ ý nghĩa:

Nay tôi vì hạng người sau cùng kia, lược nhiếp nghĩa sâu xa, vô biên, rất cao quý của Như Lai mà soạn luận này.

Vì chỉ bày thể Đại thừa nên rất cao quý, nói lên tướng Đại thừa nên rất sâu xa, hiển bày dụng Đại thừa cho nên vô biên.

Chương một nói về Tác Nhân đã xong.

CHƯƠNG 2. LẬP NGHĨA

Chia làm hai:

A1. Nêu vấn đề

A2. Giải thích

A1. Nêu vấn đề:

Thế nào là phần Lập Nghĩa? Có nghĩa là Đại thừa. Nói lược thì có hai thứ là hữu pháp và pháp.

Ma-ha-diễn, Hán dịch là Đại thừa, nói sơ lược như trong đề mục giải thích. Lại có bảy nghĩa nên gọi là Đại thừa:

Pháp lớn, là kinh điển Phương Quảng.

Tâm lớn, là bốn thế nguyện rộng lớn.

Hiểu biết lớn, là tin hiểu thường hằng viên mãn.

Thanh tịnh lớn, là đất tâm thanh tịnh, thanh tịnh hai thứ phân biệt.

Trang nghiêm lớn, là phước đức trí tuệ.

Thời gian rộng lớn, là ba A-tăng-kỳ.

Đầy đủ lớn, là Bồ-đề vô thượng.

Sáu phần đầu là nhân Đại thừa, một phần sau là quả Đại thừa.

Hữu pháp, bản dịch đời Lương nói là Pháp, giống như Luận Nhân Minh nói “Tiền trần hữu pháp”, dùng làm tông y, chính là chỉ cho pháp nhân duyên sinh, dùng làm đối tượng quán chiếu. Pháp, bản dịch đời Lương dịch là Nghĩa, giống như trong Luận Nhân Minh nói “Hậu trần tông thể”, chỉ cho chân lý được trình bày để nói về nghĩa Đại thừa.

A2. Giải thích:

Chia làm hai:

B1. Giải thích hữu pháp.

B2. Giải thích pháp.

B1. Giải thích Hữu Pháp:

Nói “Hữu pháp” là tất cả tâm chúng sinh, tâm này nhiếp tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, nương tâm này nói về nghĩa Đại thừa.

Nói chung về các pháp do nhân duyên sinh đều là hữu pháp, tất cả đều tức là Không, Giả, Trung đạo, đều có thể nói lên nghĩa Đại thừa, cho nên nói Tâm, Phật, chúng sinh ba pháp không khác nhau. Chỉ có người sơ cơ, nếu bảo quán pháp Phật thì nghi cao quá, nếu bảo quán pháp chúng sinh thì nghi rộng quá, cho nên chỉ bảo quán Tâm. Lại sợ người lầm ngoài tâm chúng sinh có chân tâm riêng, cho nên chỉ lập bày tất cả tâm chúng sinh dùng làm cảnh để quán.

Hễ nêu lên Phật pháp thì thu nhiếp hết Tâm pháp và pháp chúng sinh, nêu lên pháp chúng sinh thì thu nhiếp hết tất cả Phật pháp và Tâm pháp. Nay nêu lên Tâm pháp hiện tiền của chúng sinh, thì thu nhiếp hết tất cả pháp chúng sinh và pháp Phật. Cho nên nói thu nhiếp tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Nương Tâm pháp hiện tiền của chúng sinh này hiển bày nghĩa Đại thừa thì nói lên một pháp là nói lên hết tất cả pháp. Hễ nêu lên bất cứ pháp chúng sinh nào thì mỗi Phật pháp đều là nghĩa Đại thừa, nên Pháp Hoa ghi: Xe lớn bảy báu có nhiều vô lượng.

Vì tướng của Tâm chân như này là chỉ cho Thể Đại thừa, tức tâm hiện tiền này không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa, quá khứ vô thỉ, vị lai vô cùng, hiện tại vô biên, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải vừa có vừa không có tướng, chẳng phải tướng chẳng phải hữu, chẳng phải vô. Chẳng phải tướng sinh tử, chẳng phải tướng Niết-bàn, chẳng phải tướng hai bên, chẳng phải tướng trung đạo, chẳng phải tướng có thể nói, chẳng phải tướng không thể nói, chẳng phải tướng vừa có thể nói vừa không thể nói, chẳng phải tướng chẳng phải có thể nói, chẳng phải không thể nói, vì bất đắc dĩ nên gượng gọi là tướng Chân như, tức chân như này là thể Đại thừa, không còn có thể nào khác.

Nếu Lập Lượng rằng: Tâm chúng sinh là pháp có, tức là tông thể Đại thừa, do nói tướng chân như, đồng dụ như phương hướng nương tựa của mê ngộ mà phương hướng chẳng mê ngộ.

Vì nhân duyên sinh diệt của Tâm này, làm hiển bày Thể Tướng Dụng của Đại thừa.

Tức tâm thể chân như bất biến này, nêu thể tùy duyên mà có sinh

diệt, có nghĩa là tùy theo duyên nhiễm hay tịnh mà tạo đủ mười pháp giới. Tuy tạo mười cõi mà đều giả danh không thật, tùy duyên bất biến đương thể tức chân, cho nên nói lên thể Đại thừa.

Do theo duyên nhiễm, vô minh vọng khởi chấp có chấp không, dường như không thanh tịnh, chẳng phải thường, chẳng phải lạc, chẳng phải ngã, chẳng phải tịnh, chẳng phải vắng lặng; là thay đổi không tự tại, đầy đủ tập nhiễm luống dối nhiều hơn cát sông Hằng. Nay đổi nhiễm thành tịnh, vô minh không khởi, không có chấp chẳng chấp, tâm tánh không động, không có pháp nào khác để tìm cầu; tức đối với chân như lập nghĩa trí tuệ rộng lớn sáng suốt, nghĩa chiếu soi khắp pháp giới, nghĩa rõ biết chân thật, nghĩa bản tánh thanh tịnh, nghĩa thường lạc ngã tịnh, nghĩa tự tại vắng lặng không thay đổi. Có nghĩa công đức thanh tịnh đầy đủ viên mãn nhiều như số cát sông Hằng nên có công năng nói lên tướng Đại thừa. Vì cùng chúng sinh đồng ở trong biển luân hồi sinh tử, mới chịu thương mình thương người phát nguyện Đại thừa, tu phước tuệ lớn, chứng nhập Pháp thân xưa, mặc tình tác nghiệp không thể nghĩ bàn, tột đời vị lai, lợi lạc cho hữu tình, cho nên có công năng nói lên dụng Đại thừa.

Nhưng tâm thể hiện tiền tức thể Đại thừa, tướng mê lầm trong tâm hiện tiền là tướng Đại thừa, nghiệp dụng trong tâm hiện tiền là dụng Đại thừa, nhưng chúng sinh vì nhân duyên mê nhiễm nên sử dụng hằng ngày mà không biết. Do có nhân duyên mê nhiễm mới dựng lập nhân Duyên giác ngộ thanh tịnh, do có nhân Duyên giác ngộ thanh tịnh mới hiển bày thể tướng dụng lớn, nên nói tướng nhân duyên sinh diệt của tâm này có công năng hiển bày thể tướng dụng Đại thừa. Ví như nước đóng thành băng thì thể tánh ướt, tướng dung chứa, dụng thấm nhuần đều không thể thấy; nếu biết băng vốn là nước, làm cho băng tan mới hiển bày được thể tánh ướt, tướng dung chứa, dụng thấm nhuần. Nếu không quán chiếu nhân duyên sinh diệt của tâm thì không thể hiển bày thể tướng dụng lớn. Như nước nếu giữ tướng băng cứng thì không thể dùng, nếu lìa tâm hiện tiền của chúng sinh để tìm Đại thừa ở một nơi nào khác cũng không thể hiển bày thể tướng dụng lớn. Như khi nước đóng cứng, nếu bỏ tướng cứng của băng thì không có nước ở chỗ khác. Người học Đại thừa may mắn được tư duy sâu sắc về điều này. Nên Lập Lượng: Tâm chúng sinh là hữu pháp có công năng nói lên tông chỉ thể, tướng, dụng của Đại thừa, nhân chép: Tướng nhân duyên sinh diệt, đồng dụ: Như lìa phương hướng, vì lìa nên có ngộ phương hướng.

Phần đầu giải thích hữu pháp đã xong.

B2. Giải thích Pháp:

Chia làm hai:

C1. Giải thích nghĩa Đại

C2. Giải thích nghĩa Thừa

C1. Giải thích nghĩa Đại:

“Pháp” sơ lược có ba nghĩa:

Thể đại, có nghĩa là tất cả pháp chân như, ở nhiễm ở tịnh thể tánh vẫn thường bình đẳng, vì không thêm không bớt không có khác nhau.

Đoạn trên nói tướng chân như của tâm này, tức nói lên thể Đại thừa. Nay nói tất cả pháp chân như nghĩa là vì tâm chân như tức tất cả pháp chân như, vì chân như không có hai. Tất cả pháp là pháp nhiễm pháp tịnh, tóm lược thì có năm nhóm một trăm pháp, nói rộng thì một trăm cõi ngàn như. Tùy ý nêu lên bất cứ một pháp nào đều là toàn thể chân như, chứ chẳng phải chỉ chút phần, nên nói tánh thường bình đẳng v.v... khi ngộ không phải được khi mê không phải mất.

Lại nữa chân như của hạt cải sợi lông chẳng phải nhỏ, chân như của Tu di cõi nước chẳng phải lớn, cho nên nói không thêm không bớt. Nhất tướng vô tướng không thể phân chia cho nên nói không có khác nhau. Phạm nói tất cả pháp lại nói ở nhiễm ở tịnh, đây toàn là nhân duyên sinh diệt. Nhưng tùy duyên mà nói, tánh thường bình đẳng. Vì không thêm không bớt không có khác nhau nên biết nhân duyên sinh diệt tức là môn chân như. Cho nên đoạn sau nói xoay vần mà không lìa nhau. Nếu bỏ nhân duyên sinh diệt thì do đâu thể hội được chân như? Nếu chấp nhân duyên sinh diệt thì do đâu liễu đạt chân như?

Tướng đại, là Như Lai tàng, vì xưa nay đầy đủ vô lượng vô biên tánh công đức.

Ở đây gọi Tâm hiện tiền của chúng sinh là Như Lai tàng.

Hễ là chân như thì bất biến mà tùy duyên.

Nêu thể làm Tâm của chúng sinh thì tâm đó lại là toàn thể chân như, nay lại là gọi Như Lai tàng.

Đây là môn sinh diệt.

Vì khi ẩn khuất gọi là Như Lai tàng, khi hiển bày thì gọi là Pháp thân, nhưng Pháp thân và Như Lai tàng tuy có hai tên nhưng không hề có hai thể, cho nên chẳng phải khi hiển bày gọi là Pháp thân thì có đủ vô lượng vô biên tướng công đức, mà ngay khi ẩn khuất gọi là Như Lai tàng, xưa nay cũng có đủ vô lượng vô biên tánh công đức.

Dụng đại, vì sinh ra tất cả nhân quả lành của thế gian và xuất thế gian.

Chỉ tâm hiện tiền này của chúng sinh, chẳng có pháp nào không đầy đủ, chẳng có pháp nào không tạo; nghĩa là tùy theo duyên tịnh hay nhiễm mà tạo đủ mười pháp giới, hay sinh ra nhân quả khắp mười cõi. Chỉ nói riêng về chín cõi thì các nhân quả ác trong ba đường dữ tuy cũng là dụng của tâm này, như dùng vàng làm bình đựng vật nhơ, dao bén chặt bùn, dùng châu báu vô giá làm viên thuốc tròn chẳng gọi là dụng lớn.

Nhân quả hữu lậu của trời, người tuy cũng là dụng của tâm này, như đem ngọc ma-ni chỉ đổi một chiếc áo, một miếng ăn, chẳng gọi là dụng lớn.

Nhân quả vô lậu của người Nhị thừa tuy cũng là dụng của tâm này, như giữ vàng Diêm-phù-đàn không sinh lợi tức, không gọi là dụng lớn.

Nhân quả năm thân thông của Bồ-tát quyền thừa tuy có dụng lợi mình lợi người, như dùng vàng Diêm-phù-đàn làm vật trao đổi trong việc buôn bán, không được tự tại thống lãnh cũng không gọi là dụng lớn.

Tuy tâm mong cầu quả tốt, như dùng vàng Diêm-phù-đàn làm mào báu của vua, chưa thể nắm nhỏ phòng ốc và bay lên cao, cũng không gọi là dụng lớn.

Chỉ có chủng tánh Phật thừa, biết tâm hiện tiền này thể tức chân như có đủ vô biên công đức, liền quán sát tất cả vọng niệm vô tướng, thương mình thương người phát thệ nguyện lớn, tu tập xứng hợp với tâm tánh trừ vô minh từ vô thỉ chứng Pháp thân xưa, mặc tình khởi nghiệp không thể nghĩ bàn, các thứ tác dụng khác nhau tự tại trùm khắp pháp giới, bình đẳng với chân như. Ví như dùng vàng Diêm-phù-đàn luyện làm thuốc tiên nên có thể nhỏ phòng nhà bay lên, bay đi tự tại, mới gọi là dụng lớn.

Hỏi: Dụng lớn trong quả chín cõi buông thân, có khi thị hiện ba đường ác cũng ứng sinh nhân quả ác, vì sao chỉ nói nhân quả lành thôi ư?

Đáp: Vì độ chúng sinh thị hiện gây nhân ác, vốn không mê nhiễm tức thiện vô lậu; vì độ chúng sinh thị hiện chịu quả ác cũng không có thọ khổ, vui như Tam thiên nên chỉ gọi nhân quả lành.

Lại nói: “Sinh ra tất cả nhân quả lành” nghĩa là dụng lớn trong quả, làm duyên tăng thượng cho khắp chúng sinh khiến sinh các nhân quả lành thế gian và xuất thế gian, chẳng phải nói đã thành Phật rồi tự sinh nhân quả lành của thế gian và xuất thế gian. Vì chư Phật có tất cả

biến hiện đều là diệu dụng sâu xa tự tại của chân như, vì đều hợp với diệu đức Niết-bàn thanh tịnh nên không thể gọi là nhân quả thật.

Hỏi: Dụng lớn đã thuộc quả Phật tại sao gọi là tướng nhân duyên sinh diệt của tâm này?

Đáp: Nếu không có tâm chúng sinh thì không có thể tướng Đại thừa, nếu không có thể tướng Đại thừa thì chỗ nào có dụng Đại thừa!

Hỏi: Đã nói dụng chân như rất sâu xa vì sao không thuộc về chân như mà thuộc về nhân duyên sinh diệt?

Đáp: Nếu chẳng phải nhân duyên sinh diệt thì tên gọi chân như còn tự không lập, làm sao phân biệt được dụng lớn.

Tâm hiện tiền sinh diệt, Thể tức chân như, Tướng tức Như Lai tàng, Dụng tức năng sinh tất cả nhân quả, sử dụng hằng ngày mà không biết, đây gọi là Lý tức Đại thừa. Nếu biết thể lớn, tướng lớn, dụng lớn của một tâm này là Danh tự tức Đại thừa. Nếu quán sát vọng niệm vô tướng thì gọi là Quán Hạnh tức Đại thừa. Nếu cấu thô rơi trước, sáu căn thanh tịnh gọi là Tướng tự tức Đại thừa, luận này gọi là Giác tướng tự. Nếu thân chứng thể tướng dụng này, hồn nhiên tăng tiến thì gọi là Phần Chứng tức Đại thừa, luận này gọi là Tùy Phần giác. Nếu được tâm tánh căn bản thường trụ hiện tiền, thì gọi là Cứu Cánh tức Đại thừa, luận này gọi là Cứu Cánh giác.

Có sáu loại thường tức, trước sau bình đẳng, tức môn chân như của tâm này. Tức mà thường có sáu loại, lên xuống khác nhau rất nhiều, tức sinh diệt môn của tâm này. Cho nên lập “Tất cả tâm chúng sinh là hữu pháp” nói lên nghĩa Đại thừa.

Phần đầu giải thích nghĩa chữ Đại đã xong.

C2. Giải thích nghĩa Thừa:

Vì có chỗ Thừa (cỡi) của tất cả chư Phật, vì vào quả Phật tất cả Bồ-tát đều “thừa” nơi đây.

Ở đây lại theo người năng thừa để nói lên sở thừa, nên nói Đại thừa là sở thừa của tất cả đại nhân như Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền v.v...

Tâm của tất cả chúng sinh có đầy đủ ba thứ Thể lớn, Tướng lớn và Dụng lớn, tức ba thứ lớn này được gọi là Thừa, mà chúng sinh trong chín cõi không sử dụng hết diệu dụng của tâm Đại thừa này, luống chịu cỡi các thứ xe trâu, xe dê, xe nai, xe lừa què. Chỉ có tất cả chư Phật đều đã cỡi xe Đại thừa này để đến quả vị rốt ráo, tất cả Bồ-tát đều cỡi xe lớn này mới đến quả vị Phật được, cho nên phải theo tâm chúng sinh để nói lên nghĩa Đại thừa.

Chương Lập Nghĩa thứ hai đã xong.